

CÔNG TY TNHH CÂY GIỐNG - HOA KIỀNG PHÒNG XUÂN MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÂY GIỐNG - HOA KIỀNG PHÒNG XUÂN MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHONG MINH XUAN FLOWERS - PLANT VARIETIES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PXM FLOWERS - PLANT VARIETIES CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 1301119233

3. Ngày thành lập: 10/10/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 29/70, Ấp Tân An, Xã Long Thới, Huyện Chợ Lách, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0333156787

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
2.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
3.	Bán buôn thực phẩm	4632
4.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
5.	Trồng lúa	0111
6.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
7.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
8.	Trồng cây mía	0114
9.	Trồng cây lấy sợi	0116
10.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
11.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
12.	Trồng cây hàng năm khác	0119
13.	Trồng cây ăn quả	0121
14.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
15.	Trồng cây điều	0123
16.	Trồng cây hồ tiêu	0124
17.	Trồng cây cao su	0125
18.	Trồng cây cà phê	0126
19.	Trồng cây chè	0127
20.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
21.	Trồng cây lâu năm khác	0129
22.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131

23.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
24.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
25.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
26.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
27.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
28.	Khai thác gỗ	0220
29.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
30.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
31.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
32.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
33.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
34.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
35.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
36.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
37.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
38.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
39.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
40.	Sản xuất đường	1072
41.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
42.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
43.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
44.	Sản xuất chè	1076
45.	Sản xuất cà phê	1077
46.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
47.	Sản xuất rượu vang	1102
48.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
49.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
50.	Sản xuất sợi	1311
51.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
52.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
53.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
54.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
55.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
56.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
57.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
58.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
59.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
60.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701

61.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
62.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu	1709
63.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
64.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
65.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ rau quả lưu động hoặc tại chợ	4781
66.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ	4789
67.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
68.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)	4799
69.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh	4773(Chính)
70.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 900.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHÒNG XUÂN MINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/01/1989 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 083089004646

Ngày cấp: 09/08/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 29/70, Ấp Tân An, Xã Long Thới, Huyện Chợ Lách, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 29/70, Ấp Tân An, Xã Long Thới, Huyện Chợ Lách, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHÒNG XUÂN MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 02/01/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 083089004646

Ngày cấp: 09/08/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 29/70, Ấp Tân An, Xã Long Thới, Huyện Chợ Lách, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 29/70, Ấp Tân An, Xã Long Thới, Huyện Chợ Lách, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre